UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 2023

(Ban hành theo quyết định số: 910/ QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

1. Thông tin về cơ sở đào tạo

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
- Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

2. Thông tin về văn bằng

- Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân
- Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of Art (BA)
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

3. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Luật
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Law
- Mã số ngành đào tạo: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Đơn vị quản lý: Khoa Khoa học xã hội

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Mục tiêu

5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có tính kỷ luật cao, đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực có chất lượng, chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý của thị trường lao động. Đồng thời, chương trình đào tạo này còn giúp người học có kỹ năng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp xã hội,... đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu học tập suốt đời

5.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của ngành Luật là trang bị cho người học đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ chuyên nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm nền tảng vững chắc cho sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Về kiến thức

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật trang bị các kiến thức cần thiết giúp sinh viên có những kiến thức sau:

PO1: Trang bị các khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản và chuyên sâu cho phép người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế.

PO2: Có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật; kiến thức về logic học, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng Việt thực hành, văn bản và lưu trữ đáp ứng nhu cầu công việc. Có kiến thức về khởi nghiệp.

- Về kỹ năng

PO3: Tư duy sáng tạo, phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, báo cáo và thuyết trình ý tưởng.

PO4: Phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập và đa văn hóa, đặc biệt là trong môi trường làm việc thuộc các lĩnh vực khoa học pháp lý và quản lý để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp

- Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

PO5: Đào tạo năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với tập thể trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật. Có khả năng khởi nghiệp trong nghề luật.

PO6: Có phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia: trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; dám nghĩ, dám làm và biết dương đầu với rủi ro; có tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế, xây dựng đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra sau:

6.1. Về kiến thức

* Kiến thức chung

K1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành Luật.

K2. Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp lý.

* Kiến thức chuyên môn

K3. Phân tích và tích hợp được những cơ sở lý thuyết, kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản và chuyên ngành.

K4. Phân tích và tích hợp được các kiến thức thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp … góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật.

K5. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật liên quan.

K6. Vận dụng và phân tích một cách hiệu quả kiến thức Luật, kỹ năng để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng và các hoạt động nghề nghiệp khác.

6.2. Về kỹ năng

* Kỹ năng chung

S1. Đạt trình độ ngoại ngữ ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đạt được trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

* Kỹ năng chuyên môn

S2. Cho thấy khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

S3. Thể hiện năng lực tư duy phản biện, lập luận và tranh luận; phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

S4. Cho thấy khả năng tư vấn, giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế, thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

S5. Cho thấy khả năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.

S6. Cho thấy kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

6.3 Về mức tự chủ và trách nhiệm

C1. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Đồng thời, phối hợp làm việc theo nhóm trong môi trường luôn thay đổi và phát triển, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Tổ chức được quy trình hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực pháp luật.

C3. Tham gia lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, quản lý thời gian trong các hoạt động chuyên môn về lĩnh vực pháp luật.

7. Cấu trúc chương trình dạy học

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: 141 TC, trong đó:

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 115

Tổng số tín chỉ tự chọn: 26

7.2. Lượng tín chỉ phân bố cho khối kiến thức ngành và kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương				**40**	**36**	**04**			
1	CB050	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2	2		37	8	
2	CB051	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2	2		22	8	
3	CB052	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2	2		14	16	
4	CB053	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4(*)	2	2	2		4	56	
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	2	1	1		15	15	
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	2	1	1		15	15	
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	2	1	1		15	15	
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	1	3	3		45		
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30		CB040
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30		CB042
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30		CB043
13	TT092	Tin học căn bản	3	2	2		15	30	
14	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		
15	NN052	Tiếng nhật căn bản 1	1						
16	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023
17	NN053	Tiếng nhật căn bản 2	2						
18	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45		CB024
19	NN054	Tiếng nhật căn bản 4	3						
20	KL001	Logic học đại cương	2	2	2		30		
21	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	4	2		2	30		
22	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	2			30		
23	CB012	Kỹ năng giao tiếp	4	2			30		
24	CB038	Tiếng việt thực hành	2	2		2	30		
25	KL002	Tâm lý học đại cương	2	2			30		
26	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	2	2			30		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				**101**	**79**	**22**			
2.1. Kiến thức cơ sở				**35**	**33**	**2**			
27	KL003	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	4	4		60		
28	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	1	2	2		30		
29	KL005	Luật Hiến pháp	2	2	2		30		
30	KL006	Luật so sánh	5	2	2		30		KL003
31	KL007	Luật dân sự 1	2	2	2		30		KL003
32	KL008	Luật hình sự 1	2	3	3		45		
33	KL009	Luật hành chính	1	3	3		45		
34	KL010	Luật lao động	3	3	3		45		KL003
35	KL011	Luật đất đai	5	3	3		45		KL007 KL009
36	KL012	Luật môi trường	5	2	2		30		KL007 KL009
37	KL013	Luật thương mại	4	3	3		45		KL007

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
38	KL014	Luật tài chính nhà nước	5	2	2		30		KL005 KL009 KL013
39	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	5	2	2		30		
40	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	6	2			30		
41	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	6	2		2	30		CB025
42	KL018	Tâm lý học tư pháp	6	2			30		KL002
2.2. Kiến thức ngành chính				**56**	**46**	**10**			
43	KL019	Luật dân sự 2	3	2	2		30		KL007
44	KL020	Luật hình sự 2	3	2	2		30		KL008
45	KL021	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	2		30		KL007
46	KL022	Luật tố tụng dân sự	6	3	3		45		KL019
47	KL023	Luật tố tụng hình sự	6	3	3		45		KL020
48	KL024	Luật tố tụng hành chính	4	2	2		30		KL009
49	KL025	Luật thương mại quốc tế	6	3	3		45		KL013
50	KL026	Công pháp quốc tế	5	2	2		30		KL005
51	KL027	Tư pháp quốc tế	7	2	2		30		KL013 KL022 KL026
52	KL028	Luật đầu tư	4	2	2		30		
53	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	4	3	3		45		KL013
54	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	7	2	2		30		KL011
55	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	5	2	2		30		
56	KL032	Luật thuế	4	3	3		45		
57	KL033	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	6	2	2		30		
58	KL034	Luật Ngân hàng	5	3	3		45		
59	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	7	2	2		30		KL019
60	KL036	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	3	3		45		KL003 KL019
61	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	7	3	3		45		KL009 KL013 KL019 KL020
62	KL038	Luật chứng khoán	7	2			30		KL013
63	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2		2	30		KL011 KL013
64	KL040	Luật thương mại điện tử	7	2			30		KL013
65	KL041	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	7	2			30		
66	KL042	Đạo đức nghề luật	6	2			30		KL020
67	KL043	Luật hình sự quốc tế	7	2		4	30		KL020
68	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	7	2			30		KL013

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
69	KL045	Luật an ninh mạng	6	2		4	30		
70	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	6	2			30		
71	KL047	Luật đấu thầu	7	2			30		
72	KL048	Thực hành nghề luật	6	2			0	90	
2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế				**10**		**10**			
73	KL049	Thực tập tốt nghiệp	8	10		10	0	450	
74	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	8	10			0	450	
75	KL051	Pháp luật về an sinh xã hội	8	2			30		KL013
76	KL052	Pháp luật về hộ tịch	8	2			30		
77	KL053	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	8	2			30		KL013
78	KL054	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	8	2			30		KL019
79	KL055	Nghiệp vụ tòa án	8	2			30		
Tổng cộng: 141 tín chỉ (Bắt buộc: 115 tín chỉ; Tự chọn: 26 tín chỉ)									

(*): Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Cần Thơ, ngày 18 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI
TRƯỞNG KHOA

Lưu Thu Thủy